



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CỔ PHẦN AN BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (08) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (08) 3820 5942



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

I. CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần An Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 809/QĐ-CP ngày 06/05/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Giấy đăng ký kinh doanh số 4103003609 ngày 16/07/2005, đăng ký lại lần thứ nhất theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000178 ngày 10/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300541105 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/10/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 27.562.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 : 27.562.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 10 Đại lộ Độc Lập, P. An Bình, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn vật liệu, thiết bị xây lắp khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Điều hành tua du lịch; Đại lý, môi giới, đấu giá (chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu).

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Kinh doanh Xăng dầu An Bình Phát	Số 10 Đại lộ Độc Lập, P. An Bình, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100.0%	54.0%	100.0%	54.0%

Công ty liên kết:

Không có

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Chi nhánh Công ty CP An Bình Số 662 đường XLHN, Khu phố 3, phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chi nhánh Công ty CP An Bình Số 307/1 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021 là 65.521.325.078 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2020 lợi nhuận sau thuế là 50.269.621.523 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2021 là 233.667.965.761 VND (Tại thời điểm 31/12/2020 lợi nhuận chưa phân phối là 183.889.994.210 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị

Ông	NGUYỄN THẾ HỌA	Chủ tịch
Ông	VŨ MINH TUẤN	Ủy viên
Ông	NGUYỄN MINH CHUNG	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	NGUYỄN THẾ HỌA	Tổng Giám đốc
Ông	NGUYỄN MINH CHUNG	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông	NGUYỄN CHÍ CÔNG	Trưởng ban
Ông	NGUYỄN ĐỨC ĐẠI	Thành viên
Ông	NINH VĂN XUÂN	Thành viên

Kế toán trưởng

Ông	VŨ NGỌC ÁNH
-----	-------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần An Bình phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Bình Dương, ngày 23 tháng 02 năm 2022

TM. Hội đồng Quản trị



NGUYỄN THẾ HỌA

Chủ tịch HĐQT

Kiểm Tổng Giám đốc



Số: 53...../BCKT-TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN AN BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần An Bình, được lập ngày 31/12/2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

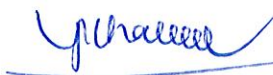
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần An Bình tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2022

Kiểm toán viên điều hành

**PHÙNG VĂN THẮNG**

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0650-2018-142-1

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Tổng Giám đốc

**PHÙNG NGỌC TOÀN**

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0335-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218.464.203.219	149.316.214.126
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	29.244.098.641	11.918.425.218
Tiền	111	V.1.	29.244.098.641	11.918.425.218
Các khoản tương đương tiền	112	V.1.	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		177.151.821.305	132.727.443.120
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		177.151.821.305	132.727.443.120
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.419.215.951	3.237.568.097
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	2.620.808.157	1.786.189.641
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.292.540.602	459.298.300
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	103.314.170
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	5.505.867.192	888.765.986
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5.	1.649.067.322	1.432.777.691
Hàng tồn kho	141		1.649.067.322	1.432.777.691
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12.	-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		197.499.699.878	216.104.129.026
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2.	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.4.	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.307.871.086	40.913.698.926
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	25.241.884.996	40.806.546.164
- Nguyên giá	222		273.207.579.035	272.304.125.399
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(247.965.694.039)	(231.497.579.235)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	65.986.090	107.152.762
- Nguyên giá	228		247.000.000	247.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(181.013.910)	(139.847.238)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	170.879.771.285	174.464.661.593
- Nguyên giá	231		175.659.625.029	175.659.625.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.779.853.744)	(1.194.963.436)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6.	245.768.507	185.768.507
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	V.6.	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6.	245.768.507	185.768.507
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3.	1.066.289.000	540.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		1.066.289.000	540.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.25	-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		415.963.903.097	365.420.343.152

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		115.361.373.878	120.672.747.636
I. Nợ ngắn hạn	310		92.667.166.956	97.620.872.806
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	62.118.363.309	61.738.884.918
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		886.796.800	472.132.600
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	14.877.125.354	7.725.391.843
Phải trả người lao động	314		-	463.105.853
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	7.762.321.217	10.834.010.953
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10.	2.000.000.000	12.500.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.24	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.022.560.276	3.887.346.639
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		22.694.206.922	23.051.874.830
Phải trả người bán dài hạn	331	V.11.	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.13.	22.694.206.922	23.051.874.830
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10.	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.22	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340	V.23	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.25	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.24	-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		300.602.529.219	244.747.595.516
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	300.602.529.219	244.747.595.516
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.14.	27.562.500.000	26.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.14.	27.562.500.000	26.250.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	V.14.	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	V.14.	476.000.000	476.000.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.22	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.14.	-	-
Cổ phiếu quỹ	415	V.14.	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.14.	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.14.	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.14.	38.896.063.458	34.131.601.306
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.14.	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.14.	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14.	233.667.965.761	183.889.994.210
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		168.146.640.683	133.620.372.687
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		65.521.325.078	50.269.621.523
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		415.963.903.097	365.420.343.152

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





VŨ NGỌC ÁNH

VŨ NGỌC ÁNH

NGUYỄN THẾ HỌA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	136.150.558.597	118.200.829.323
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		136.150.558.597	118.200.829.323
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	51.379.844.950	51.782.704.805
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		84.770.713.647	66.418.124.518
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	8.991.996.032	2.608.343.383
Chi phí tài chính	22	VI.5	1.675.748.405	1.089.011.095
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		643.333.563	1.089.011.095
Chi phí bán hàng	25	VI.8	769.895.544	142.396.435
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	9.512.463.375	9.480.825.167
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		81.804.602.355	58.314.235.204
Thu nhập khác	31	VI.6	4.521.875.429	5.623.445.820
Chi phí khác	32	VI.7	4.386.077.337	5.360.410.945
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		135.798.092	263.034.875
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		81.940.400.447	58.577.270.079
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	16.419.075.369	8.307.648.556
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		65.521.325.078	50.269.621.523
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	23.382	18.865
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	23.382	18.865

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



VŨ NGỌC ÁNH

VŨ NGỌC ÁNH

NGUYỄN THẾ HỌA